

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ “ BÌNH ĐẲNG TÔN GIÁO ”

Tóm tắt: Mặc dù luật pháp quốc tế và luật pháp ở mỗi quốc gia đã có rất nhiều tiến triển trong bảo đảm và thực thi quyền tự do tôn giáo, nhưng bất bình đẳng tôn giáo vẫn là một hiện thực có thể quan sát được ở các mức độ khác nhau. Bài viết giới thiệu một số thông tin cơ bản về hiện trạng của bất bình đẳng tôn giáo từ một số phương diện cơ bản. Trước tiên, chúng tôi góp phần làm rõ khái niệm bình đẳng tôn giáo. Tiếp đó, bài viết giới thiệu về luật pháp quốc tế có liên quan đến đảm bảo bình đẳng tôn giáo. Chúng tôi cũng trích dẫn những kết quả đáng chú ý từ khảo sát Xã hội học toàn cầu của Pew Forum liên quan đến bình đẳng tôn giáo. Sau cùng, chúng tôi sẽ giới thiệu khái quát một số lý luận của các nhà khoa học xã hội khi bàn về vấn đề quyền tự do tôn giáo với sự tập trung vào phương diện “bình đẳng tôn giáo”.

Từ khóa: Bình đẳng; phân biệt đối xử; tôn giáo; tự do.

1. Khái niệm “bình đẳng tôn giáo”

Trước tiên, cần làm quen với khái niệm “bình đẳng”. Bình đẳng (equality) có thể hiểu đơn giản về mặt câu chữ là tình trạng mà các chủ thể khác nhau được hưởng vị thế và quyền lợi giống nhau. Nhưng hiểu rộng hơn thì bình đẳng lại cần được xem xét là việc hưởng vị thế và quyền lợi giống nhau trên các phương diện phong phú như phương diện quyền con người, phương diện ứng xử xã hội, vị thế xã hội, phương diện giới, phương diện sắc tộc, phương diện niềm tin và tôn giáo, v.v...

Trong tiến trình văn minh của con người, “bình đẳng” từ lâu đã là một phạm trù có nội hàm và ngoại diện rộng và phức tạp. Bình đẳng

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 11/5/2019; Ngày biên tập 21/5/2019; Duyệt đăng: 28/5/2019.

trong khẩu hiệu Tự do - Bình đẳng - Bác ái của Cách mạng Pháp (1789) đã mang nhiều ý nghĩa triết lý, chính trị, văn hóa, xã hội và là chủ đề lớn của câu chuyện ý thức hệ. Với những nhà lập quốc Mỹ, nguyên lý tối quan trọng là “mọi người khi được sinh ra là bình đẳng như nhau” (all men are created equal).

Bình đẳng về phương diện quyền con người theo Luật quốc tế về quyền con người là việc con người ta sinh ra phải được đối xử bình đẳng, không được phép phân biệt đối xử dựa trên màu da, nguồn gốc, hay *tôn giáo* (chúng tôi sẽ nói rõ hơn ở phần sau). Có nghĩa là, khái niệm “bình đẳng” được cấu thành bởi xã hội (socially constructed) chứ không chỉ là một khái niệm đơn thuần trong ngôn ngữ tự nhiên và thông dụng. Đối ngược với bình đẳng là bất bình đẳng (inequality), khi mà một chủ thể không được đối xử giống như với các chủ thể khác trong cùng một lĩnh vực.

“Bình đẳng tôn giáo” theo quan điểm của Scott Peterson, giảng viên ngành Chính trị học ở Đại học Oxford, là “đối xử với tất cả các tôn giáo là như nhau”¹. Một cách cụ thể hơn thì các tôn giáo được quyền lợi giống nhau trong một xã hội cụ thể, và không có tôn giáo nào bị phân biệt đối xử vì bất cứ lý do gì. Các yếu tố như nguồn gốc, quy mô tín đồ, trình độ giáo lý, thế giới quan, quy định đạo đức, v.v... đều không được viện dẫn như là lý do để có sự đối xử mang tính phân biệt.

Nhưng nói rút gọn như Peterson ở trên đối với một số nhà nghiên cứu là quá giản lược vấn đề. Ví dụ, Robin Charlow cho rằng “bình đẳng tôn giáo” là một khái niệm khó nắm bắt, có phổ nghĩa rộng, và nhiều chiều kích². Chúng tôi sẽ quay lại với lý luận của Charlow vào phần cuối cùng. Ở đây, tôi dùng “bình đẳng tôn giáo” theo nghĩa là *tình trạng các tôn giáo được đối xử như nhau, không tôn giáo nào bị phân biệt đối xử, đặc biệt là trước pháp luật quốc gia và quốc tế*.

2. Luật pháp quốc tế về bình đẳng tôn giáo

Trước khi tìm hiểu về những liên hệ giữa luật pháp quốc tế với vấn đề bình đẳng tôn giáo, chúng ta phải đi từ luật pháp quốc tế về quyền tự do tôn giáo vốn đặc biệt được nhìn nhận như một quyền cơ bản của con người. Thực tế, không có luật pháp quốc tế dành riêng cho vấn đề bình đẳng tôn giáo. Vấn đề này chỉ được lồng ghép trong bộ luật

quyền con người quốc tế, trong đó có quyền tự do tôn giáo. Đồng thời, khái niệm “luật pháp quốc tế” này cần được hiểu theo nghĩa rộng. Khi Liên Hiệp quốc công bố những quy định có tính pháp lý này, nó dựa trên sự phê chuẩn và tham gia tự nguyện của các quốc gia thành viên. Do đó, về mặt lý thuyết vẫn có những quốc gia không phê chuẩn do đó không tham gia và vì thế không là đối tượng phải áp dụng các văn kiện này. Mặt khác, tính cưỡng chế của bộ luật sẽ không giống tính cưỡng chế của các bộ luật ở cấp quốc gia.

2.1. Luật pháp quốc tế về quyền tự do tôn giáo

Quyền tự do tôn giáo đã được thống nhất xác định là một trong những quyền cơ bản của con người theo tuyên bố về Quyền con người của Liên Hiệp quốc. Trong lĩnh vực Quyền con người, Bộ luật quyền con người quốc tế (The International Bill of Human Rights) bao gồm các văn kiện sau: *Tuyên ngôn toàn cầu về quyền con người* (Universal Declaration of Human Rights - UDHR - 1948); *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị* (International Covenant on Civil and Political Rights - ICCPR - 1966); và *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa* (ICESCR - 1966), từ đây gọi tắt là Công ước KT-XH-VH 1966; bên cạnh đó, còn có 2 Nghị định thư tùy chọn (Optional Protocols) hình thành sau này³; đồng thời năm 1981, Đại Hội đồng Liên Hiệp quốc ban hành *Tuyên bố về xóa bỏ mọi hình thức bất khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên cơ sở tôn giáo hay niềm tin* (Declaration on the Elimination of All Forms of Intolerance and of Discrimination Based on Religion or Belief). Khi ta nói luật pháp quốc tế về quyền tự do tôn giáo có nghĩa là ta nói tập hợp các văn kiện này.

Các văn kiện có tính pháp lý quốc tế như thế, theo cách nhìn của Cole Durham và Brett Scharffs là kết quả của sự phát triển của bảo hộ quốc tế đối với tự do tôn giáo. Hai nhà nghiên cứu này cho rằng, quá trình phát triển của tự do tôn giáo chia làm ba giai đoạn: (1) Giai đoạn liên quan đến các cuộc chiến tranh tôn giáo ở Châu Âu thế kỷ 16-17; (2) Giai đoạn hướng tới bảo vệ tự do tôn giáo bằng cách sử dụng các hiệp ước đối xử với nhóm thiểu số (theo hướng cấm phân biệt đối xử với các nhóm thiểu số tiêu biểu, như Do Thái, người Ba Lan, Nam Tư, Tiệp Khắc, v.v...), từ thế kỷ 19 trở đi. Hai nhà nghiên cứu đã cung cấp

một Điều khoản trong các hiệp ước này, cụ thể như sau: “Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ đầy đủ và toàn vẹn cuộc sống và tự do cho tất cả mọi người dân không phân biệt nguồn gốc, quốc tịch, ngôn ngữ, chủng tộc hoặc tôn giáo. Tất cả người dân của đất nước được quyền tự do theo bất kỳ tín ngưỡng, tôn giáo, đức tin nào, dù tư tưởng của chúng có thể không nhất quán với trật tự và chuẩn mực đạo đức chung”; (3) Giai đoạn sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai cho tới nay cùng với việc thành lập tổ chức Liên Hiệp quốc. Đây là giai đoạn mà Bộ luật Quyền con người quốc tế được ra đời⁴.

Về mặt nguyên tắc, có ba điểm quan trọng sau cần chú ý khi nói về Luật quốc tế về quyền tự do tôn giáo: *Thứ nhất*, khi một quốc gia đã phê chuẩn các công ước và văn kiện nêu trên, hay nói cách khác là tham gia vào chúng, thì có nghĩa là quốc gia đó cam kết thực hiện chúng, và khi xuất hiện sự tranh cãi không thể phân định đối với luật pháp trong nước, hoặc giữa các quốc gia thì các văn kiện thuộc bộ luật quốc tế về quyền con người được viện dẫn như một hệ tiêu chuẩn. *Thứ hai*, Tuyên ngôn và các công ước này được coi là nguồn gốc và cơ sở tham chiếu quan trọng nhất cho các quốc gia xây dựng mới hoặc sửa đổi hiến pháp và luật của mình sau này. *Thứ ba*, cũng cần kể thêm rằng, còn có các văn bản có tính quốc tế khác, mặc dù áp dụng ở *cấp độ châu lục* hay *khu vực* cũng khẳng định việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tôn giáo. Các quốc gia là thành viên của một khối liên minh dù là vì mục đích chính trị, kinh tế, hay văn hóa-xã hội đều được yêu cầu cam kết thực hiện các văn bản ấy.

2.2. Luật pháp quốc tế liên quan đến bình đẳng tôn giáo

Liên quan đến bình đẳng tôn giáo, có hai phương diện cơ bản: bình đẳng tôn giáo nơi cấp độ cá nhân; bình đẳng tôn giáo cấp độ tập thể, tức là cộng đồng tôn giáo.

Thứ nhất, về cấp độ cá nhân, cần xuất phát từ Quyền tự do tôn giáo trước. Trong Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người (1948), trực tiếp liên quan đến quyền tự do tôn giáo, người ta có thể nghiên cứu Lời mở đầu, điều 1, điều 2, điều 7 và đặc biệt là điều 18. Lời mở đầu của Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người chỉ ra thực tế về quyền con người trên toàn cầu, tầm quan trọng của việc đề cao tình thân hữu, của

việc các quốc gia thành viên đã ngồi với nhau để đưa ra một Tuyên bố chung nhằm thúc đẩy sự tôn trọng cũng như giám sát quyền con người và các quyền tự do căn bản trên phạm vi toàn cầu, và sự nhất trí khẳng định rằng Tuyên ngôn này là một hệ tiêu chuẩn chung mà mọi dân tộc và quốc gia trên thế giới cần hướng tới.

Điều 1 của Tuyên ngôn về Quyền con người viết:

“Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về nhân phẩm và các quyền. Mọi người đều được tạo hoá ban cho lý trí và lương tâm, và cần phải đối xử với nhau bằng tình anh em”.

Ở Điều 2, nội dung của phần đầu khẳng định:

“Mỗi người đều được hưởng mọi quyền và tự do nêu ra trong Tuyên ngôn này, không phân biệt sắc tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay quan điểm khác, nguồn gốc quốc gia hay xã hội, tài sản, nơi sinh hay trạng thái nào khác”.

Như có thể thấy ngay trong nội dung chính của hai điều đầu tiên này, Tuyên ngôn đã xác quyết rằng, con người ta sinh ra tự do và được bình đẳng trên mọi phương diện. Hơn thế nữa, không có sự phân biệt trong đối xử mà một người sẽ nhận được, kể cả về niềm tin tôn giáo mà người đó thủ đắc. Con người ta khi sinh ra đã bình đẳng trong việc thụ hưởng các quyền, không có bất cứ phân biệt nào dù là về đẳng cấp xã hội, giàu-ngèo, hay có tôn giáo-không có tôn giáo, đang có quyền công dân hay tạm thời mất nó.

Điều 18, *Tuyên ngôn* trực tiếp nói về quyền tự do tôn giáo:

“Mọi người có quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo; quyền này bao gồm tự do thay đổi tôn giáo hay niềm tin, và tự do khi một mình hay với tập thể và ở nơi riêng tư hay công cộng, thể hiện tôn giáo hay niềm tin của mình trong thuyết giảng, thực hành, thờ cúng và tuân thủ nghi lễ”.

Có 4 điểm chính về nội dung của điều 18 này: (i) Quyền tự do tôn giáo *gắn liền* với tự do về tư tưởng (bao chứa những suy nghĩ của cá nhân), và về lương tâm (cái một cá nhân cho là đúng về mặt đạo lý làm người); (ii) Quyền tự do ấy có thể được thực hiện *không có giới hạn* về quy mô (cá nhân hay theo nhóm), về không gian (riêng tư hay

công cộng), và về sự biểu đạt (qua các hình thức như chia sẻ, truyền giảng, và thực hành); (iii) Niềm tin tôn giáo luôn gắn liền với *sự biểu đạt* niềm tin ấy và như thế quyền của một cá nhân có niềm tin tôn giáo chỉ đầy đủ khi cá nhân đó được tự do bày tỏ niềm tin dù trong điều kiện nào; (iv) Tại văn bản gốc, từ “everyone” được sử dụng với nghĩa đen là quyền này dành cho *mọi người*.

Sau này, nội dung và phạm vi của quyền tự do tôn giáo còn được mở rộng thêm trong Điều 18 của ***Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966)***:

“1. Mọi người có quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo. Quyền này bao gồm tự do sở hữu hoặc tiếp nhận một tôn giáo hay niềm tin theo lựa chọn của mình, và tự do, hoặc cá nhân hay với tập thể và ở nơi riêng tư hay công cộng, biểu đạt tôn giáo và niềm tin của mình trong thờ cúng, tuân thủ nghi lễ, thực hành và truyền giảng.

2. Không ai bị ép buộc dẫn đến sự ảnh hưởng quyền tự do sở hữu hoặc tiếp nhận một tôn giáo hay niềm tin theo lựa chọn của mình.

3. Tự do biểu đạt tôn giáo hay các niềm tin của một người chỉ có thể bị hạn chế theo luật định khi thấy sự cần thiết phải bảo vệ an toàn, trật tự, sức khỏe, hoặc đạo đức công cộng, hoặc các quyền căn bản và tự do của người khác.

4. Các quốc gia thành viên của Công ước hiện tại thực thi sự tôn trọng tự do của phụ huynh hoặc người bảo trợ hợp pháp để đảm bảo sự giáo dục về tôn giáo và đạo đức phù hợp với sự tin tưởng của chính con cái của họ”⁵.

Như có thể thấy, Điều 18 này vừa khẳng định lại Điều 18 trong Tuyên ngôn 1948, đồng thời mở rộng thêm khái niệm “tiếp nhận” tôn giáo hay niềm tin và nhấn mạnh “theo sự lựa chọn” của mỗi cá nhân. Như vậy, Điều 18 nhấn mạnh lựa chọn tôn giáo phải là kết quả của lựa chọn cá nhân một cách tự nguyện chứ không thể bị tác động hay ép buộc dù chủ thể thực hiện điều đó có là người trong gia đình hay người có quyền bảo trợ hợp pháp. Các nội dung 2, 3, 4 là các nội dung có tính mở rộng, nhấn mạnh việc tránh bị ép buộc về lựa chọn tôn giáo. Như vậy, sự bình đẳng về tôn giáo còn bao gồm cả khả năng tự

quyết định về niềm tin tôn giáo của một người ngay cả khi sống trong điều kiện phụ thuộc.

Đồng thời, điều khoản này cho phép giới hạn theo luật định của từng quốc gia cụ thể vì lợi ích của cộng đồng hơn lợi ích cá nhân. Đáng chú ý là quyền tự do tôn giáo được phép giới hạn bởi chủ thể quản lý đất nước khi việc thực thi quyền tự do của một cá nhân lấn sang quyền tự do của cá nhân khác. Một ví dụ dễ hiểu ở đây là người có tôn giáo khi thực hiện quyền tự do tôn giáo của mình cần phải tôn trọng quyền tự do không có tôn giáo của người khác. Ở đây, một phương diện nữa của bình đẳng tôn giáo chính là Luật quốc tế không chỉ bảo vệ quyền và lợi ích của người có tôn giáo mà còn bảo vệ quyền và lợi ích của người không có tôn giáo. Từ việc đảm bảo một cách bình đẳng về quyền tự do tôn giáo và không tôn giáo, lợi ích chung của xã hội sẽ được đảm bảo.

Năm 1981, Liên Hiệp quốc ban hành Tuyên bố gồm 8 điều về sự xóa bỏ mọi dạng thức bất khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo hay niềm tin (*Declaration on the Elimination of All Forms of Intolerance and of Discrimination Based on Religion or Belief*)⁶. Tuyên bố này thể hiện phản ứng của Liên hiệp quốc trước sự xuất hiện nhiều hơn ở phạm vi toàn cầu các hình thức ngược đãi và phân biệt đối xử lấy tôn giáo làm nguyên do. Điều 1 nhắc lại toàn bộ nội dung điều 18 trong Công ước DS-CT 1966. Từ Điều 2, Tuyên bố này tập trung vào các nguyên tắc chi tiết nhằm xóa bỏ mọi hình thức mà người có niềm tin tôn giáo được ghi nhận và có thể bị phân biệt đối xử. Thông điệp căn bản nhất mà Tuyên bố này mang lại là một cá nhân khi thủ đắc niềm tin tôn giáo thì phải được đối xử công bằng như những cá nhân khác và luật pháp quốc tế cũng như mỗi quốc gia phải bảo vệ quyền lợi ấy tốt hơn và đầy đủ hơn.

Trong các công ước hay tuyên bố khu vực khác, như: Công ước Châu Âu về Quyền con người (*European Convention on Human Rights*, 1953); Công ước Châu Mỹ về Quyền con người (*American Convention on Human Rights*, 1969); Điều lệ EU về các quyền cơ bản (*EU Charter of Fundamental Rights*, 2000); và Tuyên ngôn Quyền con người của ASEAN (*ASEAN Human rights Declaration*, 2012), người

đọc đều có thể thấy sự kế thừa nền tảng của Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người 1948, và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966. Điều 22 trong *Tuyên ngôn quyền con người của ASEAN* ra đời năm 2012 khẳng định:

“Mọi người có quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo. Mọi dạng thức bất khoan dung, phân biệt đối xử và kích động thù hằn dựa trên tôn giáo và các niềm tin sẽ bị xóa bỏ”⁷.

Một điểm mà các bộ luật này cũng nêu rất rõ ràng là về phía cá nhân, người lựa chọn không theo tôn giáo nào hoặc bất khả tri cũng có trách nhiệm tôn trọng lựa chọn theo tôn giáo của người khác, và làm sai sẽ bị xử phạt. Người có tôn giáo cũng phải tôn trọng sự lựa chọn tôn giáo khác của chính hàng xóm hay đồng nghiệp của mình. Đây cũng là một trong những cơ sở cho sự hình thành một loại luật hoặc điều luật có nội dung nhằm vào *chống phỉ báng* (blasphemy law), như thấy ở những quốc gia có đa số dân chúng là theo Islam giáo (như: Malaysia, Indonesia, Afghanistan, Iran, v.v...), hoặc ở rất nhiều quốc gia nơi có tính đa dạng tôn giáo cao người ta sẽ dễ tìm thấy một điều luật cấm phỉ báng tôn giáo thường nằm trong luật hình sự (như: Canada, Đan Mạch, Ai cập, Áo, Israel, Việt Nam, v.v...).

Theo luật quốc tế, nhà nước không chỉ có nghĩa vụ tôn trọng tự do tôn giáo mà còn phải đảm bảo mọi người trong lãnh thổ được thụ hưởng quyền tự do tôn giáo và niềm tin trên cơ sở có một hệ thống pháp lý minh bạch. Theo đó, một nhà nghiên cứu đã chỉ ra hai trách nhiệm của nhà nước trong bảo vệ và bảo đảm tự do tôn giáo gồm: (a). Nếu xuất hiện những vi phạm trực tiếp đến tự do tôn giáo trong quá trình làm luật hay phán quyết ở tòa án thì nhà nước phải có trách nhiệm giải quyết; (b) Trách nhiệm của nhà nước cũng bị chất vấn khi nhà nước không quan tâm đủ đến việc ngăn chặn hay phòng tránh những vi phạm về quyền tự do tôn giáo, kể cả bởi viên chức nhà nước hay bởi chính công dân⁸.

Cho đến năm 1981, việc ban hành một tuyên bố quốc tế dành riêng cho xóa bỏ các hình thức bất khoan dung và phân biệt đối xử dựa trên cơ sở tôn giáo hay niềm tin đã cho thấy nỗ lực đảm bảo sự bình đẳng giữa những người có tôn giáo với nhau, giữa người có tôn giáo với

người không có tôn giáo, giữa cơ quan tuyển dụng và sử dụng lao động với người lao động có tôn giáo đã lên một tầm mức cao hơn.

Tóm lại, khi nói về luật quốc tế về bình đẳng tôn giáo thực chất ta nói đến tập hợp các văn kiện của Liên hiệp quốc về quyền con người trong đó có quyền tự do tôn giáo. Đồng thời, có thể tham chiếu thêm một số tuyên bố mang tính liên minh khu vực về quyền con người trong đó có quyền tự do tôn giáo như liên minh Châu Âu, khối ASEAN,...

3. Một số lý thuyết đương đại về bình đẳng tôn giáo

Bình đẳng tôn giáo là một chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và thảo luận. Dù chưa hình thành những trường phái lý thuyết có ảnh hưởng, các nhà nghiên cứu ấy đã định hình được một khuôn khổ nghiên cứu và phân tích các phương diện cơ bản của vấn đề này. Khái quát của chúng tôi cho thấy liên quan đến bình đẳng tôn giáo, các thảo luận của các nhà khoa học xã hội tập trung vào các nhóm chủ đề gồm: cách hiểu như thế nào là “bình đẳng tôn giáo”, những khó khăn, thách thức của đảm “bình đẳng tôn giáo” song hành với đảm bảo “quyền tự do tôn giáo”, những liên hệ giữa “bình đẳng tôn giáo” và “khoan dung tôn giáo”, và những liên hệ giữa đa dạng tôn giáo, đa nguyên tôn giáo và bình đẳng tôn giáo. Đồng thời, cũng có một mối quan tâm lớn là nỗ lực lượng hóa thực tế về bình đẳng tôn giáo trên phạm vi toàn thế giới.

Trước tiên, một công trình khảo cứu toàn cầu đáng chú ý là *Freedom of Religion and Belief: A World report (Tự do tôn giáo và niềm tin: Báo cáo toàn thế giới)* do Kevin Boyle và Juliet Sheen thực hiện năm 1997⁹. Công trình này khảo sát trên 60 quốc gia khác nhau khắp thế giới và nêu ra rất nhiều vấn đề cơ bản xung quanh chủ đề tự do tôn giáo, soi chiếu trên cả lý thuyết và thực tiễn. Trong phần dẫn nhập, từ góc độ lý luận, nhóm tác giả nhận định rằng, tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo và tín ngưỡng còn xa vời mới đạt được ở mức độ toàn cầu. Hơn nữa, phân biệt đối xử và bất khoan dung tôn giáo là một phương diện rất đáng lo ngại của tình hình vi phạm quyền con người trên khắp thế giới¹⁰. Đặc biệt, hai tác giả cũng đề cập những vấn đề mà từ đó cho thấy nguyên nhân của việc người dân trên thế giới đang thụ hưởng quyền tự do tôn giáo ở các mức độ rất khác nhau. Chẳng

hạn như: có sự “vênh” giữa luật pháp về tôn giáo giữa quốc gia và luật pháp về tôn giáo trên trường quốc tế; tự do tôn giáo có nghĩa là người ta có quyền tin rằng chân lý tôn giáo mình sở hữu là siêu việt và các chân lý tôn giáo khác thì thấp kém nhưng chính điều này sẽ gây ra sự bất khoan dung và phân biệt đối xử; vấn đề chọn lựa và thay đổi cam kết về tôn giáo; việc ép buộc người khác theo đạo sẽ là vi phạm nhân quyền, nhưng việc cấm một người khuyến khích, thúc đẩy người khác đổi theo đạo của mình thì cũng có thể vi phạm quyền tự do tôn giáo; những mối quan hệ phức tạp giữa nhà nước và tôn giáo; những hệ quả để lại của đàn áp tôn giáo trong quá khứ; vấn đề quyền lợi của các nhóm tôn giáo thiểu số; những cách hiểu về pháp quyền; vai trò và vị thế của phụ nữ trong tôn giáo; và tôn giáo như một nguồn cội của xung đột, v.v...¹¹. Những vấn đề đang nổi lên này đều có ảnh hưởng ít nhiều đến việc duy trì và làm tiến triển các mức độ của bình đẳng tôn giáo nơi các quốc gia, bởi vì trong nhiều trường hợp, chúng thể hiện những mâu thuẫn rất khó giải quyết. Có thể thấy rõ thêm sự mâu thuẫn trong công trình dưới đây.

Roger Trigg là một giáo sư về triết học ở Anh. Ông đã có một số công trình nghiên cứu về tôn giáo trong đó có những thảo luận về bình đẳng tôn giáo. Theo cách nhìn của ông, sự “giằng co” giữa những đòi hỏi về tính bình đẳng và đòi hỏi về tự do nằm ở ngay tâm điểm của đời sống hiện đại. Nghĩa là, đây là một vấn đề nổi bật của đời sống hiện đại. Ông cho rằng, “tự do cá nhân có thể tạo ra hoặc củng cố những tình trạng bất công bằng. Nhưng nếu nhà nước kiên quyết cố gắng đạt lấy tính bình đẳng cao hơn thì có thể xâm phạm đến tự do của người dân [...] Sự loại bỏ những bất lợi của người này có thể hạn chế tự do của người khác”¹². Điểm đáng chú ý trong lý luận này là cả tình trạng lý tưởng về bình đẳng tôn giáo và về tự do cá nhân đều không thể đạt được. Điều này khá phù hợp với nhận định của các chuyên gia về luật pháp quốc tế là Cole Durham và Brett Scharffs. Hai người này trong một công trình xuất bản chung đã chỉ ra rằng, “quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của một người không phải là một quyền tự do tuyệt đối”¹³. Nên có thể hiểu sự “giằng co” như Roger Trigg nói nghĩa là nếu cố gắng đấu tranh hay bảo đảm bình đẳng tôn giáo ở tiêu

chuẩn cao hơn nữa thì lại phải hi sinh phần nào tự do cá nhân và ngược lại đề cao hơn nữa tự do cá nhân lại có tác động ngược chiều đến đảm bảo bình đẳng tôn giáo.

Ông tiếp tục chỉ ra rằng trong những năm gần đây, sự đảm bảo tính bình đẳng xung đột với niềm tin tôn giáo ở nhiều biểu hiện khác nhau. Điều khó khăn gặp phải là để giải quyết thấu đáo vấn đề trên, thì về logic nhà nước cần có những cách ứng xử khác nhau với từng nhóm dân cư cụ thể. Nhưng ông khẳng định rằng, chính cách làm này cũng có nghĩa là đã tạo ra sự phân biệt đối xử giữa các nhóm đó. Tại đây, câu hỏi ông đặt ra là trong một nền dân chủ, làm sao lại có chuyện một số nhóm được quan tâm nhiều hơn nhóm khác được?¹⁴

Tiếp tục phân tích, ông chỉ ra rằng, bình đẳng sẽ đòi hỏi tính trung lập của nhà nước. Nhưng sự trung lập thực sự lại là một điều bất khả thi bởi vì chẳng nhà nước nào có thể hoàn toàn thể hiện sự không có trách nhiệm gì tới mức từ chối đưa ra bất cứ nhận định nào về đặc tính của một niềm tin tôn giáo. Chẳng hạn, khi đưa ra một phán xử về sự bình đẳng, phán xử kiểu ấy thường phải dựa trên lập trường đạo đức, nhưng lập trường đạo đức ấy lại có thể có nền tảng từ một hay một số niềm tin tôn giáo¹⁵. Hơn nữa, việc đòi hỏi tính trung lập của nhà nước có thể dẫn đến lập luận rằng không nên dành chỗ cho tôn giáo nơi không gian công cộng. Ông nói rằng ở điểm này, người ta sẽ viện dẫn xu thế thế tục (secularism). Nhưng vấn đề là quan niệm về tính thế tục và sự phân tách nhà nước, tôn giáo đã khác nhau ở các nước khác nhau. Bản thân xu thế thế tục cũng chẳng phải trung lập vì luôn phải xem xét một vị thế của tôn giáo. Cho nên, câu hỏi giờ đây Roger Trigg đặt ra là “bình đẳng hay tự do tôn giáo là quan trọng hơn?”. Hàm ý của câu hỏi là một nhà nước khó có thể đảm bảo cả hai vấn đề này một cách đồng thời.

Trong phần sau của cuốn sách, Roger Trigg lý luận rằng, “sự bình đẳng” không giống như “tự do một cách bình đẳng”. Cụ thể hơn thì, “đối xử với mọi tôn giáo theo cùng một cách giống nhau không phải hoàn toàn giống như cho phép tất cả mọi người sự tự do tôn giáo một cách bình đẳng. Cái ý tưởng về không phân biệt đối xử giữa các tôn giáo thì đã quá phổ biến tới mức mà đôi lúc nó cấu thành ý niệm về tự

do tôn giáo, vì thế nhà nước phải trung lập trước mọi lập trường tôn giáo. Nhưng nhà nước có thể mong muốn bảo vệ tự do tôn giáo chỉ bởi vì nhà nước có quan điểm cụ thể về tầm quan trọng của tự do tôn giáo, cái mà một số tôn giáo lại muốn thách thức”¹⁶. Có thể hiểu lý luận của ông một cách đơn giản hơn là khó có một loại mô hình nhà nước nào thực sự trung lập trước tôn giáo. Một khi nhà nước đề cao tự do tôn giáo hay bình đẳng tôn giáo, thì rõ ràng nhà nước phải có một động cơ hay mục đích cụ thể, và khi đó không thể không can thiệp vào tôn giáo theo một cách nào đó.

Robin Charlow là giáo sư ngành Luật học của Hofstra University School of Law (Mỹ). Ông là người có một khảo cứu rất sâu về “bình đẳng tôn giáo”. Trước tiên, ông chỉ ra rằng, đây là một khái niệm đa nghĩa, phức tạp, khó định nghĩa, khó nắm bắt. Nghiên cứu về bình đẳng tôn giáo theo cách của ông là sẽ khảo sát về cả các nguồn cội của bất đồng cả về cơ sở pháp lý và giáo lý tôn giáo. Các phương diện cụ thể được phân tích sẽ gồm: bản chất đa chiều của tính bình đẳng, tính duy nhất của tôn giáo, sự khó khăn của định nghĩa tôn giáo, và vấn đề nhận diện những nền tảng hay điểm tựa để so sánh khi đánh giá bình đẳng tôn giáo.

Trước tiên theo nhận xét của ông, bình đẳng là một ý niệm ngấm vào mọi luật định về tôn giáo. Những câu hỏi về tính bình đẳng liên quan rất nhiều trong các tranh cãi về tôn giáo. Về bản chất đa chiều của bình đẳng tôn giáo, ông chỉ ra rằng đây là một thực thể đa diện, phức hợp. Ông lý luận rằng, có các hình thức biểu thị khác nhau về tính bình đẳng. Trong luật pháp về tôn giáo, có thể có bình đẳng kiểu hình thức (formal equality), với nghĩa là chính phủ đối xử với các tôn giáo là chính xác như nhau. Kiểu thứ hai là bình đẳng về chức năng hay bình đẳng có tính bản chất, nghĩa là biểu hiện của bình đẳng ở phương diện kết quả. Kiểu này đòi hỏi chính phủ đảm bảo rằng người có tôn giáo cũng đạt được sự bình đẳng ngoài thực tiễn như với người thuộc tôn giáo khác hoặc không có tôn giáo¹⁷.

Về tính duy nhất của tôn giáo, ông nhấn mạnh rằng bình đẳng là một ý niệm có tính so sánh. Về mặt logic, nếu muốn xem xét sự bình đẳng của hai thứ gì đó, ta so sánh chúng với nhau. Nhưng tôn giáo khó

là thứ có thể đem ra so sánh, dù lấy tiêu chí về niềm tin, thế giới quan, vị thế,... Ý của ông là tôn giáo mô tả theo cách nào cũng là khác biệt, bởi mỗi tôn giáo là một thứ duy nhất¹⁸.

Về sự khó định nghĩa tôn giáo, ông chỉ ra rằng, định nghĩa tôn giáo luôn gặp khó khăn. Nhiều nhà khoa học khác nhau có cách định nghĩa khác nhau về tôn giáo. Đây là thử thách lớn cho xác định bình đẳng tôn giáo. Bởi vì về mặt logic, định nghĩa về thế nào là bình đẳng về tôn giáo phụ thuộc vào định nghĩa thế nào là tôn giáo¹⁹.

Về tính trung lập của nhà nước trước tôn giáo, ông cho rằng, đây cũng là một cái gì đó xa vời, khó hiện thực. Không có một biên độ tối thiểu (baseline) cụ thể nào mà từ đó người ta có thể đồng thuận rằng cách ứng xử của nhà nước như thế thì đảm bảo tính cách trung lập trước tôn giáo. Do đó, ý niệm về tính trung lập của nhà nước trước tôn giáo, theo ông, hoặc là mơ hồ, hoặc là không có nghĩa²⁰.

Tóm lại, quan điểm của Charlow là dù người ta thường xuyên nói về bình đẳng tôn giáo, thực tế phân tích từ phương diện pháp lý hay từ phương diện các tôn giáo đều cho thấy rất khó xác định được thế nào là “bình đẳng tôn giáo”. Việc nhận định về bình đẳng tôn giáo đòi hỏi không chỉ mục đích của hành động của một chính phủ cụ thể, mà còn là mục đích của sự đảm bảo của Hiến pháp đối với tôn giáo²¹. Nhìn chung, ông gợi ý rằng, có thể không cần dành quá nhiều thảo luận cho “bình đẳng tôn giáo” mà sau cùng vẫn nên tập trung vào vấn đề cơ bản hơn: đảm bảo “tự do tôn giáo”.

4. Nghiên cứu của Pew Forum liên quan đến bình đẳng tôn giáo

Những lập luận của Trigg hay Charlow có cơ sở trong thực tiễn, khi Pew Forum tiến hành khảo sát định lượng ở phạm vi toàn cầu sau này về chủ đề bất bình đẳng tôn giáo.

Nghiên cứu do Pew Forum công bố năm 2017 với tiêu đề “Many countries favor specific religions, officially or unofficially” (Nhiều quốc gia ưu ái những tôn giáo cụ thể, một cách chính thức hay ngầm ẩn) thực hiện trên 199 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới²² cho thấy, thực tế về bình đẳng tôn giáo nhìn từ cách ứng xử của nhà nước là một bức tranh với nhiều mảng màu khác biệt. Báo cáo này tiếp cận

vấn đề dựa trên sự phân chia 4 loại hình ứng xử của nhà nước đối với tôn giáo: (i) Nhà nước có một tôn giáo chính thức; (ii) Nhà nước ưu ái một tôn giáo; (iii) Nhà nước không ưu ái một tôn giáo nào; (iv). Nhà nước có xu hướng hạn chế tôn giáo. Khảo sát này công bố nhiều kết quả đáng chú ý, nhưng chúng tôi nêu ra những điểm liên hệ nhiều hơn đến vấn đề bình đẳng tôn giáo.

Thứ nhất, trên khắp thế giới, có hơn 80 quốc gia ưu ái một tôn giáo cụ thể dưới hình thức tôn giáo chính thức và do chính phủ bảo hộ, hay đối xử theo cách dành nhiều ưu ái cho một tôn giáo hơn các tôn giáo khác. Báo cáo tính toán rằng, trên thế giới cứ 5 quốc gia thì có 1 quốc gia chọn một tôn giáo làm tôn giáo chính thức. Như vậy, nếu xét trên con số 199 quốc gia và vùng lãnh thổ, gần 40% có sự ưu tiên dành cho một tôn giáo cụ thể mà có thể đo lường và quan sát rõ. Cụ thể hơn, báo cáo này cho thấy Islam là tôn giáo được ưu ái nhiều nhất. Trên thế giới có 27 quốc gia (chủ yếu là ở Trung Đông và Bắc Phi) coi Islam là tôn giáo chính thức (official state religion). Ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương có 7 quốc gia coi Islam là quốc giáo (tiêu biểu là Bangladesh, Brunei and Malaysia). Đặc biệt là không có quốc gia nào ở Châu Âu hay châu Mỹ có Islam là quốc giáo... Trong khi đó, chỉ có 13 nước (9 trong số này ở Châu Âu) coi Kitô giáo (hoặc một nhánh cụ thể của Kitô giáo) là quốc giáo. Một số nước tiêu biểu là Anh, Đan Mạch, Monaco.

Có 40 quốc gia ưu ái một tôn giáo cụ thể một cách không chính thức. Đặc biệt là trong số này, thì Kitô giáo chiếm phần lớn. Chúng ta thấy các quốc gia tiêu biểu trong nhóm này chủ yếu ở Châu Âu và Châu Mỹ. Như vậy, điều ta có thể thấy là Islam và Kitô giáo là hai tôn giáo có được vị thế cao nhất so với tất cả các tôn giáo còn lại. Việc Kitô giáo được ngầm ưu ái nhiều nhất cho thấy sức ảnh hưởng sâu rộng của tôn giáo này. Báo cáo cho biết đứng sau Kitô giáo có Phật giáo là tôn giáo được nhà nước ưu ái dù không chính thức. Đáng chú ý phần lớn các quốc gia này nằm ở Châu Á (Myanmar, Lào, Mông Cổ và Sri Lanka). Trên thế giới chỉ có Bhutan và Cambodia coi Phật giáo là quốc giáo một cách chính thức.

Thứ hai, Báo cáo của Pew Forum tiếp tục cho thấy vai trò quốc giáo của một tôn giáo chủ yếu được quan sát ở vai trò nghi lễ có tính quốc gia. Sự khác biệt về mức độ ưu ái sẽ thấy rõ hơn khi xem xét các tiêu chí, như: thuế, vị thế pháp lý, sở hữu tài sản hay khả năng tiếp cận nguồn tài chính quốc gia. Thực tế, đây là những điểm cơ bản và rõ ràng nhất để xem xét cách ứng xử của một nhà nước với tôn giáo như thế nào.

Thứ ba, Báo cáo còn cho biết là hơn một nửa số các quốc gia trên thế giới giữ vị thế trung lập trước tôn giáo, do đó không có sự ưu ái bất cứ một tôn giáo nào (53%). Nhìn chung, các quốc gia này được đánh giá là đối xử với tôn giáo khá công bằng, dù không hoàn toàn giống nhau về cách thức.

Thứ tư, Báo cáo cho thấy ở các quốc gia có sự ưu ái *một* tôn giáo cụ thể thì thường có sự quản lý chặt các nhóm tôn giáo thiểu số trên phương diện thực hành, đôi khi là cấm hãm. Trên thế giới có khoảng 10 quốc gia quản lý tất cả các dạng thức tôn giáo rất chặt. Trung Quốc là một ví dụ điển hình.

Thứ năm, có những quốc gia lựa chọn ưu ái *một số* tôn giáo nhất định. Ví dụ, Liên bang Nga coi Kitô giáo, Islam, Do Thái giáo, Phật giáo là 4 tôn giáo truyền thống, được nhận những lợi ích nhất định. Đặc biệt là Chính Thống giáo được cho là có đóng góp đặc biệt vào lịch sử đất nước. Indonesia thừa nhận 6 tôn giáo chính thức (Phật giáo, Hindu giáo, Islam giáo, Công giáo, Tin Lành giáo và Không giáo), dù Islam giáo là tôn giáo của đa số dân chúng (84%)²³.

Từ những thông tin của Báo cáo này, khi phân tích và thảo luận về bình đẳng tôn giáo, theo tôi cần phải chú ý các vấn đề sau:

1. Chú ý phương diện chính thức và phi chính thức của vị thế mà một tôn giáo có được ở trong bối cảnh quốc gia cụ thể. Với vị thế là quốc giáo thì đương nhiên tôn giáo được chọn sẽ được ưu ái, được bảo đảm về vị thế chính trị và thậm chí có sự hỗ trợ về tài chính. Các tôn giáo thuộc nhóm thiểu số sẽ không nhận được sự ưu tiên. Trong bối cảnh đó, bình đẳng tôn giáo khó có thể đảm bảo dù điều này không có nghĩa là tự do tôn giáo không được tôn trọng và bảo đảm. Trong

trường hợp ở quốc gia có một tôn giáo được ưu ái một cách không chính thức, thì tình trạng tương tự cũng có thể xảy ra.

2. Các mô hình nhà nước nói trên có tác động rất lớn đến vấn đề bình đẳng tôn giáo. Xem xét các phân loại về mô hình nhà nước-tôn giáo và thực tiễn khảo sát thì thấy đảm bảo bình đẳng tôn giáo là câu chuyện rất phức tạp, khác nhau ở từng quốc gia cụ thể. Đồng thời, cần chú ý là các quốc gia đều liên tục có sự điều chỉnh về chính sách và pháp luật. Các dữ liệu đo đếm về quan hệ nhà nước-tôn giáo có thể chỉ có giá trị tham khảo trong thời gian ngắn.

3. Không nhất thiết là cứ ở mô hình quốc gia có sự hạn chế về tôn giáo lại là nơi có mức độ bất bình đẳng tôn giáo cao. Ngược lại, ngay ở quốc gia mà nhà nước giữ vị thế trung lập trước tôn giáo, phân biệt đối xử với tôn giáo cái dẫn đến bất bình đẳng tôn giáo vẫn xảy ra, đặc biệt ở cấp độ nhóm và cá nhân. Điều này cho thấy không chỉ có Nhà nước là chủ thể duy nhất đảm bảo cho bình đẳng tôn giáo.

4. Bình đẳng tôn giáo được hiểu sơ giản là các tôn giáo được đối xử bình đẳng, như nhau trước pháp luật. Nhưng ở mức độ cao hơn, bình đẳng tôn giáo còn phải được thực hiện ở cấp độ tư tưởng, cách ứng xử, hay quan niệm của công chúng. Ở đây là câu chuyện của nhận thức.

5. Mối quan hệ giữa xu thế đa dạng tôn giáo và bình đẳng tôn giáo

Bình đẳng tôn giáo có thể xem xét một số xu thế gần đây trong đời sống tôn giáo, tiêu biểu là xu thế ủng hộ đa dạng tôn giáo trước thực tế đa dạng tôn giáo là một hiện thực có tính phổ quát toàn cầu. Trước tiên, sự gia tăng đa dạng tôn giáo, còn được xem là đa dạng hóa tôn giáo, có thể hiểu như những thay đổi tới mức mà không gian tôn giáo không còn là một khối đơn nhất nữa mà dung chứa một số lượng ngày càng lớn các thể giới quan tôn giáo, lựa chọn tôn giáo, nhân tố tôn giáo, thiết chế tôn giáo, các diễn tả niềm tin tôn giáo và cộng đồng tôn giáo. Đa dạng hóa tôn giáo cũng có mối liên hệ mật thiết với xu thế đa nguyên tôn giáo (religious pluralism). Trong khi đa dạng tôn giáo là một thực tiễn, đa nguyên tôn giáo là cái để nói về vấn đề tư tưởng hay quan điểm. Ở những nơi có tư tưởng ủng hộ đa

nguyên tôn giáo, thì người ta sẽ chấp nhận sự tồn tại của nhiều thế giới quan tôn giáo khác nhau, kể cả chúng không tương thích với nhau, đồng thời mỗi tôn giáo cũng có thái độ khoan dung với nhau. Đa nguyên tôn giáo một khi đã diễn ra, sẽ làm thay đổi tính nguyên trạng trước đó của bức tranh tôn giáo²⁴.

Một trong các tiêu chí đánh giá đa nguyên tôn giáo là đánh giá thái độ và cách ứng xử với các tôn giáo thuộc thiểu số. Không có gì tiêu biểu hơn là các phong trào tôn giáo mới vốn xuất hiện ào ạt từ những năm 50-60 của thế kỷ 20. Sự xuất hiện của các phong trào tôn giáo mới sau Thế chiến thứ Hai được xem như một nhân tố đóng vai trò quan trọng trong quá trình đa dạng hóa tôn giáo. Trong lúc nhiều tôn giáo có truyền thống lâu đời trở nên suy yếu, các tôn giáo mới mạnh lên nhanh chóng. Thực tế, các tôn giáo ấy đang nhân rộng các lựa chọn về tôn giáo. Các học giả quốc tế đã chỉ ra rằng có những Phong trào tôn giáo mới rõ ràng là tách ra từ các tôn giáo thế giới và cũng có những phong trào tôn giáo mới hoàn toàn có sự khác biệt với các truyền thống tôn giáo cổ xưa hơn²⁵. Trong khi đó, sự gia tăng xu thế đa nguyên tôn giáo từ những năm 1960 ở phương Tây thừa nhận rằng các tôn giáo mới đã trở thành các phong trào ở mức toàn cầu²⁶. Theo cách này, chúng chắc chắn đóng góp vào việc gia tăng các lựa chọn tôn giáo cho người dân trên thế giới. Nói cách khác, sự mở rộng phổ biến tôn giáo phải tính đến vị trí của các phong trào tôn giáo mới.²⁷

Nhưng trên thực tế, sự xuất hiện và lan rộng của các phong trào tôn giáo mới dấy lên những tâm lý lo ngại, e sợ, dè chừng, thậm chí là chống đối hay đàn áp bởi cả chính quyền và người dân ở nhiều nước. Kể từ khi xuất hiện vào những thập niên 60 của thế kỷ 20 trước tiên ở Châu Mỹ và sau đó là ở Châu Âu, rồi lan về Châu Á, các phong trào tôn giáo mới (New Religious Movements) đã trải qua rất nhiều thử thách trong suốt quá trình tìm cách phát triển. Những khó khăn mà các phong trào này phải đối mặt không chỉ từ phía các tổ chức tôn giáo có trước, các tổ chức xã hội được lập ra để chống "giáo phái", các phương tiện truyền thông đại chúng thường khai thác tin tức giật gân, các chính trị gia, mà còn từ chính phủ các quốc gia có trong tay công cụ luật pháp.

Trong vấn đề pháp lý, ở nhiều nước, theo nguyên tắc đảm bảo quyền tự do tôn giáo và thực hiện bình đẳng tôn giáo, nhà nước trao tư cách pháp lý cho một nhóm tôn giáo mới nổi lên miễn là chúng không vi phạm pháp luật. Tư cách ấy thường được cụ thể hóa là tư cách pháp nhân (legal personality). Nhưng thực tế việc trao tư cách pháp nhân cho một phong trào tôn giáo mới cũng không đơn giản. Vấn đề tư cách pháp nhân là quan trọng bởi vì thứ nhất nó nói đến sự thừa nhận và bảo vệ trên phương diện luật pháp đối với một tổ chức tôn giáo nhằm tránh phân biệt đối xử, và thứ hai là giải quyết vấn đề sở hữu tài sản cũng như vấn đề thuế đối với các loại hình hội nhóm này. Nghiên cứu từ các công trình đã công bố của các chuyên gia trong lĩnh vực luật pháp về tôn giáo của tôi cho thấy lộ trình phổ biến thường thấy của việc chính phủ cấp tư cách pháp nhân cho một tôn giáo, có nghĩa là cho phép tôn giáo đó được bảo hộ về mặt luật pháp công bằng như với các tôn giáo đã được công nhận trước đó, phải trải qua 3 bước. Trước tiên, một tôn giáo mới cần phải đăng ký với chính quyền. Sau khi đáp ứng thời gian hoạt động đủ dài sau khi đăng ký mà không vi phạm pháp luật, nó sẽ được xem xét để công nhận. Chỉ khi được chính thức công nhận bởi nhà nước thì một tôn giáo như thế mới có được tư cách pháp nhân đầy đủ²⁸.

Nhưng xem xét về việc cấp tư cách pháp nhân cho một phong trào tôn giáo mới, hai nhóm vấn đề nảy sinh: *một là*, có nên thừa nhận một phong trào tôn giáo mới không và *hai là*, nếu có thì thừa nhận nó như là một dạng hội nhóm xã hội (như các loại hội đoàn thể tục khác) hay như một hội nhóm tôn giáo? Thực tế, đã có những giai đoạn mà một số nước từ chối xem xét vấn đề tư cách pháp nhân cho một số phong trào tôn giáo mới cụ thể. Vấn đề gây tranh cãi chính là liệu có thể coi đó là các tôn giáo thực sự hay không²⁹. Chính vì vấn đề xác định tiêu chí thế nào là một “tôn giáo” cũng là nguốc gốc của bất bình đẳng. Nguyên nhân chính là vì các tiêu chí ấy sẽ dựa trên việc nghiên cứu các tôn giáo đã có trước do đó về bản chất đã là một sự áp đặt.

Một cách phổ biến, các phong trào tôn giáo mới được nhìn nhận là các nhóm tôn giáo thiểu số, vì chúng ra đời sau và có số thành viên rất ít. Cách này là hợp lý vì thực tế ở hầu khắp các quốc gia trên thế giới

đã tồn tại các nhóm tôn giáo của đa số. Nhưng chính ở phân loại về đa số và thiểu số cũng thực sự ảnh hưởng đến sự đảm bảo đối xử với các tôn giáo một cách bình đẳng. Ở Pháp, theo Francis Messner, trong luật không có khái niệm “thiểu số”. Chính phủ Pháp thường xuyên từ chối công nhận các “nhóm thiểu số” cả về sắc tộc, ngôn ngữ, hay tôn giáo³⁰. Luật của Pháp chỉ công nhận tự do cá nhân, và chính phủ không cho rằng tự do cá nhân được đảm bảo khi người ta tham gia các hội nhóm³¹. Vấn đề ứng xử với các nhóm tôn giáo thiểu số rõ ràng cản trở tiến trình đảm bảo bình đẳng tôn giáo mà trường hợp nước Pháp là một trong các ví dụ đáng chú ý.

Nói chung, những trở ngại và tranh luận về việc công nhận các phong trào tôn giáo mới để đảm bảo đối xử với các tôn giáo một cách bình đẳng và không phân biệt vẫn còn tiếp diễn. Như Rik Torfs khái quát ở Châu Âu, nguyên tắc chung là tinh thần khoan dung đối với các phong trào tôn giáo mới. Tuy nhiên, vì mỗi quốc gia thành viên có khác nhau về hệ thống pháp lý nên họ vẫn phải đang tìm giải pháp hữu hiệu cho những vấn đề sau: Các nhóm tôn giáo có thể tự do thu giữ tài sản không? Họ có cần đến tư cách pháp nhân để đạt được mục đích đó không? Họ có được phép hoạt động theo cơ chế một tổ chức phi lợi nhuận không? Khó khăn là hơn việc quyết định trả lời câu hỏi liệu những đặc quyền hiện tại dành cho các tôn giáo lớn có nên dành cho những nhóm thiểu số nhỏ hơn, hay liệu các đặc quyền xưa cũ có dần dần biến mất và thay vào đó là một sự công nhận quyền tự do tôn giáo về mặt pháp lý chung cho tất cả, không có bất kỳ đặc quyền nào?³². Cần chú ý là chính vấn đề luận giải về các đặc quyền đụng chạm trực tiếp đến vấn đề bình đẳng tôn giáo.

Ở Đông Nam Á, Malaysia là một quốc gia có cách tiếp cận rất cởi mở với vấn đề đăng ký tư cách pháp nhân cho nhóm tôn giáo, do đó là một cách ứng xử đáng tham khảo đến bình đẳng tôn giáo. Theo Lee Min Choon, Chính phủ Malaysia cho rằng, tôn giáo không nên bị quản lý. Luật của nước này không đòi hỏi các nhóm tôn giáo phải đăng kí hay giải thích bất cứ điều gì với nhà nước. Nhà nước không can thiệp vào tôn giáo mà để các cộng đồng tôn giáo tự quản theo giáo lí và luật tục của mình. Người dân có thể thành lập một nhóm tôn giáo theo

hình thức một công ty hay một hội đoàn và đây là con đường để họ có thể đầy đủ tư cách pháp nhân cho tổ chức tôn giáo của mình³³.

Về vấn đề nghĩa vụ với nhà nước, nổi bật là nghĩa vụ quân sự và nghi lễ chào cờ tổ quốc. Với bất cứ quốc gia nào, làm nghĩa vụ quân sự và chào cờ tổ quốc là sự thể hiện lòng trong thành với đất nước và ý thức đóng góp cho lợi ích chung. Nhưng các tín đồ của *Nhân chứng Jehovah* kiên quyết từ chối thực hiện hai điều này. Và đây là mấu chốt cho những vấn đề mà tôn giáo này gặp phải ở Singapore, ở Australia và ở một số nước khác. Ở Singapore, theo Tan Kheng Boon, Nhân chứng Jehovah là một tổ chức bị Singapore cấm và giới hạn tự do tôn giáo. Việc cấm chủ yếu liên quan đến vấn đề liệu các công dân thuộc diện phải gia nhập vào các lực lượng vũ trang nhưng vì lý do tôn giáo họ có thể được miễn nghĩa vụ quân sự hay không. Tan Kheng Boon cho biết Tòa án đã phải phán quyết vụ việc này. Tòa cho rằng, nghĩa vụ quân sự là một vấn đề thể tục và không thể chấp nhận việc từ chối nhập ngũ vì lý do tôn giáo bởi điều này sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống Nghĩa vụ quân sự³⁴. Như vậy, cách làm của chính phủ không hẳn đã gây ra bất bình đẳng tôn giáo. Ngược lại, nó lại có thể đảm bảo sự bình đẳng giữa các tôn giáo trong thực hiện trách nhiệm với quốc gia và trước luật pháp vốn không đặt ra ngoại lệ ưu tiên hoặc miễn trừ trách nhiệm cho bất cứ một tôn giáo nào.

Mặc dù các chính phủ khác nhau trên thế giới ứng xử rất khác nhau đối với sự phát sinh và phát triển cũng như thách thức của các phong trào tôn giáo mới, từ việc tìm hiểu một số công trình học thuật tiêu biểu, có thể khái quát thành hai hướng ứng xử chính, là ứng xử ôn hòa và ứng xử cứng rắn. Trong hai thiên hướng ứng xử này, hướng thứ nhất đòi hỏi chính quyền lên tiếng và bày tỏ lập trường hay thái độ, hướng thứ hai buộc chính quyền phải thận trọng xem xét và sửa đổi hay xây dựng luật mới nhằm vào quản lý các phong trào tôn giáo mới. Cả hai cách này tuy thế, đều ảnh hưởng đến đảm bảo bình đẳng tôn giáo. Anh là một ví dụ về ứng xử ôn hòa ở Châu Âu. Chuyên gia về các phong trào tôn giáo mới là Eileen Barker đã nhận xét như sau: “Về phương diện pháp lý, cả hai chính phủ thuộc Đảng Bảo thủ hay Đảng Lao động đều đã nêu rõ rằng, mặc dầu không thích có nhiều tôn giáo

mới họ không có ý định đưa ra bất cứ luật đặc biệt nào nhằm vào các tôn giáo đó. Miễn là các phong trào đó tuân thủ Luật của Khối thịnh vượng chung và luật hình sự, chúng được tự do như bình thường trong việc tin và làm điều mình muốn³⁵. Barker cũng lưu ý rằng, không hẳn là không có sự phân biệt đối xử nào nhắm vào các phong trào tôn giáo mới. Năm 1968, các điều khoản hạn chế đã được áp dụng đối với người nước ngoài tới Anh với mục đích nghiên cứu hay làm việc cho nhóm Khoa học luận. Năm 1995, chính quyền từ chối cấp visa cho Sun Myung Moon, là giáo chủ của Giáo hội Thống nhất (Unification Church), vào nước Anh với lý do là sự hiện diện của ông ta có thể không lợi cho công chúng trên phương diện trật tự công cộng³⁶. Như thế, ngay cả ứng xử ôn hòa cũng cho thấy các phong trào tôn giáo mới thường được đối xử theo những cách thức riêng, có nghĩa là chưa bình đẳng như các tôn giáo truyền thống có trước.

Với những quốc gia áp dụng các biện pháp cứng rắn trong ứng xử và quản lý các phong trào tôn giáo mới, thì bất bình đẳng tôn giáo là điều thấy rõ. Có lẽ tiêu biểu nhất trong cách tiếp cận cứng rắn đối với phong trào tôn giáo mới là trường hợp của Liên bang Nga với tôn giáo mới có nguồn gốc nước ngoài, của Pháp với các phong trào tôn giáo mới, và trong cách Trung Quốc ứng xử với Pháp Luân Công. Ở Nga, sau khi hệ thống Xô Viết tan rã, Chính quyền Nga được cho là có truyền thống trong việc không ủng hộ đa dạng tôn giáo. Marat Shrine nhìn nhận rằng, phản ứng với tôn giáo mới ở Nga đi từ chào đón, nghi ngờ, e sợ tới thù địch. Nhà nước cho rằng, việc truyền đạo từ các nhóm tôn giáo có nguồn gốc nước ngoài có thể làm mất đi cân bằng dân tộc hoặc ảnh hưởng việc duy trì bản sắc văn hóa Nga. Ở quốc gia này, Chính Thống giáo, được xem như cấu thành căn tính văn hóa dân tộc, đã nhận được sự ưu ái và bảo hộ rõ ràng hơn so với các tôn giáo mới có nguồn gốc nước ngoài³⁷. Pháp cũng là một trường hợp tiêu biểu trong một thiên hướng khác của lối ứng xử cứng rắn với các phong trào tôn giáo mới. Daniele Hervieu-Leger đã gọi cách ứng xử của Nhà nước Pháp đối với các phong trào tôn giáo mới ở đây là “nỗi ám ảnh về sự đe dọa của giáo phái”. Nơi đây, có thể nói là đã từng có một cuộc chiến chống giáo phái, khởi động từ những năm 1980 và

rầm rộ từ tháng 8 năm 2000. Tác giả cho biết Quốc hội Pháp từng bỏ phiếu cho việc huy động phương tiện pháp luật để chống giáo phái³⁸.

Tất nhiên, các phong trào tôn giáo mới không đại diện hết cho các nhóm tôn giáo thuộc thiểu số trong một bối cảnh xã hội cụ thể. Trong xã hội nào cũng có các nhóm tôn giáo với đa số dân chúng tin theo và các nhóm khác thuộc thiểu số. Ví dụ, Islam là tôn giáo chiếm đa số ở nhiều quốc gia vùng Trung Đông, Bắc Phi, hay Đông Nam Á, nhưng lại là tôn giáo thiểu số ở hầu hết phần còn lại của thế giới. Tin Lành giáo có thể là tôn giáo thuộc đa số tại Mỹ, nhưng là tôn giáo thuộc thiểu số ở phần lớn các quốc gia khác trên thế giới.

Vì thế, trên thực tế, việc đánh giá về mức độ bình đẳng tôn giáo đôi khi lại rõ ràng khi chọn đánh giá về vị thế của các nhóm tôn giáo thiểu số. Về mặt logic, nếu các nhóm thiểu số còn bị thiệt thòi về quyền lợi, bị phân biệt đối xử, bị chèn ép bởi các nhóm tôn giáo đa số, thì mức độ đảm bảo bình đẳng tôn giáo là thấp. Ngược lại, tình trạng lý tưởng là các tôn giáo dù lớn nhỏ, đều được đối xử như nhau và không có sự phân biệt nào.

Nhưng các chính phủ và nhà khoa học thường bày tỏ lập trường trong ứng xử với các phong trào tôn giáo mới nói riêng, và với các nhóm tôn giáo thiểu số nói chung dựa trên đòi hỏi về đảm bảo an ninh quốc gia và an toàn nơi công cộng cho công dân của mình. Không thể phủ nhận rằng, có mối liên hệ rõ ràng và ngày càng gia tăng giữa tôn giáo và an ninh trong bối cảnh thế giới hiện nay. An ninh ở đây có nghĩa là sự vận hành bình thường, ổn định, có trật tự và ít xung đột trong xã hội. Xung đột, dưới dạng thức là giữa các thành viên của các tôn giáo với nhau, hoặc giữa người có tôn giáo và người không có tôn giáo thường là cái gián tiếp và thậm chí trực tiếp đe dọa an ninh xã hội.

Về mối liên hệ giữa tôn giáo và an ninh, Dennis R. Hoover đã chỉ ra các dẫn chứng rất cụ thể về xung đột tôn giáo đã và tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi, chẳng hạn như giữa người theo Hindu giáo và người theo Islam giáo (Ấn Độ), người theo Do Thái giáo và người theo Islam giáo (Bờ Tây, Trung Đông), người theo Kitô giáo với người theo Do Thái giáo và người theo Islam giáo (Đông Âu), hay giữa những người

theo Kitô giáo ở Bắc Ireland. Rút ra từ nhiều nghiên cứu, ông lý luận rằng các quốc gia không đảm bảo sự tôn trọng đối với tôn giáo sẽ bị tổn thương bởi có nhiều đe dọa đáng kể đối với sự ổn định và tính an ninh. Ngược lại, các quốc gia tìm ra cách thức để bảo vệ sự đa nguyên tôn giáo trong xã hội dân sự thì có khả năng cao chứng kiến an ninh bền vững thật sự³⁹. Lý luận cho thấy tạo môi trường thuận lợi cho đa nguyên tôn giáo vẫn là một lựa chọn có tính chiến lược, hay một giải pháp có tính lâu bền hơn.

Các quốc gia ngày nay đều phải thận trọng với các vấn đề nảy sinh vốn chia rẽ các tôn giáo. Lịch sử cho thấy xung đột tôn giáo đã dẫn đến chiến tranh, đàn áp, bạo lực và rạn vỡ sự thống nhất của xã hội. Cole Durham khái quát thành hai chiến lược đối phó với vấn đề này: *một là*, việc các nhà nước cố triệt tiêu sự khác biệt tôn giáo bằng cách đàn áp những niềm tin tôn giáo có tính chất gây chia rẽ; *hai là*, nhà nước quyết tâm thực hiện nguyên lý khoan dung và cho phép tồn tại một phổ rộng những khác biệt tôn giáo đến mức các niềm tin tôn giáo dù có khác biệt thế nào vẫn có thể hòa đồng với nhau trong một xã hội ổn định. Theo Durham, kinh nghiệm của các nước có sự phát triển ổn định cho thấy tôn trọng các niềm tin dị biệt, bao gồm cả tôn giáo, thì mang lại hiệu quả cho chiến lược xây dựng ổn định xã hội nhiều hơn là thẳng tay đàn áp chúng⁴⁰. Như thế, các mô hình tôn trọng đa dạng tôn giáo và quyền tự do tôn giáo như ở Mỹ hay Singapore là rất đáng tham khảo. Cụ thể thêm trong trường hợp Singapore, nhà nước đã thiết kế các ngày nghỉ cấp quốc gia một cách công bằng đối với những ngày lễ quan trọng của các tôn giáo lớn như Công giáo, Tin Lành giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Hindu giáo, Đạo giáo, Islam giáo, v.v...

6. Bình đẳng tôn giáo trong sự liên hệ với khoan dung tôn giáo

Khoan dung tôn giáo chỉ thái độ hay lối ứng xử cởi mở của cá nhân và xã hội theo hướng chấp nhận mọi dạng thức tồn tại của tôn giáo trong một bối cảnh xã hội cụ thể. Khoan dung tôn giáo có thể diễn ra trong sự thừa nhận và tôn trọng các niềm tin tôn giáo khác của những người có niềm tin tôn giáo, hoặc của những người không có niềm tin tôn giáo nào. Khoan dung tôn giáo cũng là một tiêu chí mà ngày nay các nhà nước được yêu cầu hỗ trợ, ủng hộ và hiện thực hóa qua chính

sách và pháp luật. Cùng với đa nguyên tôn giáo, khoan dung về tôn giáo là những điều kiện thực sự cần thiết cho đảm bảo bình đẳng giữa các tôn giáo với nhau.

Trong lời giới thiệu cho cuốn sách mà Kevin Boyle và Juliet Sheen đồng chủ biên (1997) (đã dẫn ở trên), Abdelfattah Amor đưa ra nhận định như sau: Tự do tôn giáo chưa phải là cái được nhận thức một cách thấu triệt trong mọi người và ở mọi nơi. Mỗi tôn giáo có xu hướng xem chính mình là người bảo vệ chân lý duy nhất và có trách nhiệm hành xử theo cách đó. Theo ông, cách tiếp cận ấy không luôn luôn là điều kiện thuận lợi cho khoan dung giữa các tôn giáo với nhau. Hơn nữa, mỗi tôn giáo có thể dễ đấu tranh với bất cứ cái gì mình cho là sai lệch/biến dị hoặc là ngay trong đức tin của mình hoặc là trong biên giới của mình. Điều này cũng không có lợi cho khoan dung tôn giáo trong chính mỗi tôn giáo. Ông cũng nhận xét rằng, bất khoan dung tôn giáo đang tồn tại trên thế giới và đôi khi chiếm tỉ lệ đáng kể. Xu thế cực đoan tôn giáo tồn tại và đe dọa các khu vực trên thế giới. Sự đan xen giữa tôn giáo và chính trị, dù là rõ ràng hay bị che giấu, tiếp tục tác động đến thái độ và hành vi ứng xử của tín đồ tôn giáo, và làm gia tăng cũng như kéo dài các xung đột. Nói ngắn gọn thì không có tôn giáo nào an toàn và không bị xâm phạm. Bất khoan dung không chỉ là sự hình thành vị thế độc quyền của nhà nước hay tôn giáo; phân biệt đối xử dựa trên tôn giáo hay niềm tin tôn giáo của người khác tiếp tục là sự kiện thường ngày⁴¹.

Kết luận

Bài viết này đã cố gắng làm rõ “bình đẳng tôn giáo” nhìn từ phương diện luật pháp quốc tế và từ phương diện học thuật, có minh chứng với một số ví dụ của thực tiễn. Một cách khái quát nhất, “bình đẳng tôn giáo” có thể được hiểu là tình trạng đời sống tôn giáo ở nơi các tôn giáo được đối xử một cách bình đẳng bởi cả nhà nước, bởi các tôn giáo đang tồn tại, và bởi chính các cá nhân có hay không có tôn giáo. Sự cải thiện tình trạng bất bình đẳng tôn giáo song hành với nỗ lực cải thiện việc đảm bảo quyền tự do tôn giáo, việc kiến tạo và dung dưỡng môi trường đa nguyên tôn giáo, và thái độ ủng hộ khoan dung tôn giáo.

Trên phạm vi thế giới, bức tranh về bình đẳng tôn giáo thực sự nhiều màu sắc khác biệt. Có rất nhiều yếu tố vận tác động ở các tầm mức khác nhau để rồi bình đẳng tôn giáo vẫn là một tình trạng đáng mong muốn nhiều hơn là một thực tiễn làm hài lòng hầu hết các chủ thể có liên quan. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem quan điểm của ông tại: <https://blog.politics.ox.ac.uk/religious-freedom-religious-equality-and-religious-establishment-a-toxic-brew/>
- 2 Robin Charlow (2005), The elusive meaning of religious equality, *Washington University Law Review*, Vol. 83, Issue 5.
- 3 Điều cần lưu ý là nếu chỉ xét riêng *Tuyên ngôn toàn cầu về quyền con người* thì đó chưa phải là luật quốc tế.
- 4 Cole Durham và Brett Scharffs (2014), *Luật pháp và Tôn giáo: Tiếp cận so sánh quốc gia, quốc tế*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 106-108.
- 5 Xem nguyên bản tại: <http://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CCPR.aspx>
- 6 Xem nguyên văn tại: <http://www.un.org/documents/ga/res/36/a36r055.htm>
- 7 Xem toàn văn tại: http://www.asean.org/?static_post=asean-human-rights-declaration-ahrd-and-its-translation
- 8 Javier Martínez-Torrón (2010, editor), *Religion and the secular state: National reports*, Digital Legend Press, p. 37.
- 9 Kevin Boyle & Juliet Sheen (1997), *Freedom of religion and belief : a world report*, Routledge: London and New York.
- 10 Kevin Boyle & Juliet Sheen (1997), Sdd, tr. 1.
- 11 Kevin Boyle & Juliet Sheen (1997), Sdd, tr. 7-10.
- 12 Roger Trigg (2012), *Equality, freedom and religion*, Oxford University Press, p. 1.
- 13 Cole Durham và Brett Scharffs (2014), *Luật pháp và tôn giáo: tiếp cận so sánh quốc gia, quốc tế*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội, tr. 513.
- 14 Roger Trigg (2012), Sdd, tr. 4.
- 15 Roger Trigg (2012), Sdd, tr. 5.
- 16 Roger Trigg (2012), Sdd, tr. 132.
- 17 Robin Charlow (2005), Bdd, tr. 1535-1536.
- 18 Robin Charlow (2005), Bdd, tr. 1539.
- 19 Robin Charlow (2005), Bdd, tr. 1541.
- 20 Robin Charlow (2005), Bdd, tr. 1541.
- 21 Robin Charlow (2005), Bdd, tr. 1543.
- 22 Tham khảo toàn văn nghiên cứu này tại: <https://www.pewforum.org/2017/10/03/many-countries-favor-specific-religions-officially-or-unofficially/>
- 23 Điểm đáng chú ý trong trường hợp Indonesia theo nghiên cứu của tôi là người dân buộc phải chọn một trong số 6 tôn giáo chính thức nói trên để ghi trong thẻ căn cước cá nhân. Một số vấn đề liên quan đến quyền tự do tôn giáo có thể được đặt ra ở đây: (i) người dân không được phép không có tôn giáo, nghĩa là vô thần không được chấp nhận; (ii) những người không muốn bất cứ lựa chọn nào trong

- 6 lựa chọn trên sẽ phải nói không đúng về thiên hướng tôn giáo của mình; (iii) những người có thiên hướng tôn giáo khác ngoài 6 lựa chọn trên sẽ gặp khó khăn về việc niềm tin tôn giáo của mình được hợp pháp và thừa nhận chính thức. Điều này cũng có thể được coi là một biểu hiện của bất bình đẳng tôn giáo.
- 24 Andrea Althoff (2014), *Divided by faith and ethnicity*, De Gruyter, p. 30.
 - 25 Elizabeth Arweck (2006), *Researching new religious movements: Responses and redefinitions*, Routledge, pp. 322-323.
 - 26 Irving Hexham and Karla Poewe (1997), *New religions as global cultures*, Avalon publishing, p. 167.
 - 27 Gerald Parsons (1993), Introduction. In: Gerald Parsons (ed), *The growth of religious diversity: Britain from 1945*, Routledge, pp. 5-22.
 - 28 Xem: Cole Durham (2006), “Tiến trình và bối cảnh hiện tại của Luật tôn giáo ở Đông Nam Á: Một cách nhìn so sánh”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006; Đỗ Quang Hưng (2006), “Công nhận tổ chức tôn giáo: Một cách tiếp cận so sánh nhân trường hợp Việt Nam”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
 - 29 Xem thêm: Hoàng Văn Chung (2014), “Ứng xử của một số nhà nước trên thế giới đối với các phong trào tôn giáo mới”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9.
 - 30 Xem: Francis Messner (2006), “Nhà nước và Tôn giáo ở Pháp”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
 - 31 ³¹ Xem: Messner (2006), tài liệu đã dẫn; Jean-Paul Willaime (2006), “Các tôn giáo thiểu số và đạo Tin Lành trong quan hệ với Luật về tôn giáo ở Pháp”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
 - 32 Rik Torfs (2006), “Kinh nghiệm của các nền dân chủ phương Tây trong việc giải quyết vai trò pháp lý của các giáo hội và cộng đồng tôn giáo”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
 - 33 Lee Min Choon (2006), “Vị thế pháp lý của tổ chức tôn giáo: Kinh nghiệm của Malaysia”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
 - 34 Eugene Tan Kheng Boon (2006), “Khuyến khích tiết chế tôn giáo giai đoạn hậu 11/9: Những kinh nghiệm từ Singapore”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
 - 35 Xem: Eileen Barker (2004), “General overview of the cult scene in great Britain”, in: Phillip Charles Lucas and Thomas Robbins (eds), *New Religious Movements in the 21st Century: Legal, Political, and Social Challenges in Global Perspective*, New York: Routledge, p. 29.
 - 36 Xem: Eileen Barker (2004), *Bđđ*, tr. 30.
 - 37 Marat Shterin (2004), “New Religions in the New Russia”, in Phillip Charles Lucas and Thomas Robbins (eds), *New Religious Movements in the 21st*

Century: Legal, Political, and Social Challenges in Global Perspective, New York: Routledge, pp. 99-104.

- 38 Xem: Daniele Hervieu-Leger (2004), Sdd, tr. 50.
- 39 Dennis R. Hoover (2004), Introduction: Religion gets real, trong: Robert A. Seiple and Dennis R. Hoover (eds), *Religion and Security: The new nexus in international relations*, Rowman&Littlefield, New York, pp. 2-3.
- 40 Xem Cole Durham (2006), tài liệu đã dẫn.
- 41 Abdelfattah Amor Kevin Boyle và Juliet Sheen đồng chủ biên (1997). Sdd., p.xv.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdelfattah Amor (1997), Preface. In: Kevin Boyle & Juliet Sheen (1997) (eds). *Freedom of religion and belief : a world report*, Routledge: London and New York.
2. Andrea Althoff (2014), *Divided by faith and ethnicity*, De Gruyter.
3. Cole Durham (2006), “Tiến trình và bối cảnh hiện tại của Luật tôn giáo ở Đông Nam Á: Một cách nhìn so sánh”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006; Đỗ Quang Hưng (2006), “Công nhận tổ chức tôn giáo: Một cách tiếp cận so sánh nhân trường hợp Việt Nam”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
4. Cole Durham và Brett Scharffs (2014), *Luật pháp và Tôn giáo: Tiếp cận so sánh quốc gia, quốc tế*. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Daniele Hervieu-Leger (2004), “France's Obsession with the ‘Sectarian Threat’”, trong Phillip Charles Lucas and Thomas Robbins (eds), *New Religious Movements in the 21st Century: Legal, Political, and Social Challenges in Global Perspective*, New York: Routledge.
6. Dennis R. Hoover (2004), Introduction: Religion gets real, in: Robert A. Seiple and Dennis R. Hoover (eds), *Religion and Security: The new nexus in international relations*, Rowman&Littlefield, New York.
7. Eileen Barker (2004), General overview of the cult scene in great Britain, in: Phillip Charles Lucas and Thomas Robbins (eds), *New Religious Movements in the 21st Century: Legal, Political, and Social Challenges in Global Perspective*, New York: Routledge.
8. Elizabeth Arweck (2006), *Researching new religious movements: Responses and redefinitions*, Routledge.
9. Eugene Tan Kheng Boon (2006), “Khuyến khích tiết chế tôn giáo giai đoạn hậu 11/9: Những kinh nghiệm từ Singapore”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
10. Francis Messner (2006), “Nhà nước và Tôn giáo ở Pháp”, Hội thảo Quốc tế: *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.
11. Gerald Parsons (1993). Introduction, in: Gerald Parsons (ed). *The growth of religious diversity: Britain from 1945*, Routledge.
12. Hoàng Văn Chung (2014), “Ứng xử của một số Nhà nước trên thế giới đối với các phong trào tôn giáo mới”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9.

13. Irving Hexham and Karla Poewe (1997), *New religions as global cultures*, Avalon publishing.
14. Javier Martínez-Torrón (2010, editor), *Religion and the secular state: National reports*, Digital Legend Press.
15. Marat Shterin (2004), New Religions in the New Russia, in Phillip Charles Lucas and Thomas Robbins (eds), *New Religious Movements in the 21st Century: Legal, Political, and Social Challenges in Global Perspective*, New York: Routledge.
16. Robin Charlow (2005), The elusive meaning of religious equality, *Washington University Law Review*, Vol. 83, Issue 5.
17. Roger Trigg (2012), *Equality, freedom and religion*, Oxford University Press.
18. *Tôn giáo và Pháp quyền trong bối cảnh Đông Nam Á: Bước đầu thảo luận*, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tháng 9 năm 2006.

Abstract

DISCUSSION ON “EQUALITY OF RELIGION”

Hoang Van Chung

Institute for Religious Studies, VASS

Although international laws and laws of each country have made a lot of progress in securing and enforcing religious freedom, however, religious inequality is still an observable reality at all levels. This article shows some basic information about the state of religious inequality under some fundamental aspects. First, the author clarifies the concept of religious equality. Next, the article indicates international laws related to secure the religious equality. The author cites remarkable results of Pew Forum’s Global Sociological Survey of religious equality. Finally, the article briefly introduces some social researchers’ views on the issue of religious freedom with a focus on the “religious equality”.

Keywords: Equality; religion; freedom; discrimination.